

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 272/2023/HS-ST
Ngày: 07-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Anh Tuấn

Bà Trần Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 256/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1978; nơi sinh: tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 036078007600; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Ngọc B và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Bùi Thị H và 02 con; tiền án: Ngày 29-9-2021 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định xử phạt 20 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chấp hành xong hình phạt ngày 25-10-2022); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27-6-1996 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 24-9-2015 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xử phạt 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08-8-2023, chuyển tạm giam từ ngày 17-8-2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

Ông Hoàng Vũ C

Ông Nguyễn Quang T

(Không triệu tập đến phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08-8-2023, tổ công tác Công an phường H, thành phố N làm nhiệm vụ tại khu vực đầu ngõ 84 đường H, phường Q, thành phố N phát hiện Trần Văn T điều khiển xe máy biển kiểm soát 18B2-257.43 có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra, T tự giác lấy từ trong túi quần phía trước bên trái đang mặc giao nộp 01 túi nhỏ ni lông màu trắng, kích thước khoảng (3 x 3) cm, bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng (T khai là Heroine mua về để sử dụng). Tổ công tác tiến hành thu giữ, niêm phong vật chứng và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Văn T. Ngoài ra còn tạm giữ của T 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 18B2-257.43, đã cũ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra quyết định trưng cầu giám định vật chứng thu giữ của Trần Văn T. Tại Bản kết luận giám định số 1247/KL-KTHS ngày 11-8-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 01 túi ni lông màu trắng, kích thước (3x3) cm, thu giữ của Trần Văn T được niêm phong gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Heroine (Heroin). Khối lượng mẫu: 0,362 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T khai nhận: Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 08-8-2023, T điều khiển xe máy biển kiểm soát 18B2-257.43 đi từ nhà đến một ngõ ở đường H, thuộc phường Q, thành phố N (không nhớ số ngõ), gặp một người phụ nữ tên H qua bạn xã hội giới thiệu (không rõ lai lịch, địa chỉ) hỏi mua 300.000 đồng Heroine. H nhận tiền và bảo T đứng đợi. Khoảng 30 phút, H quay lại đưa cho T 01 túi ni lông có chứa Heroine, T cầm túi Heroine mua được cất vào trong túi quần bên trái phía trước đang mặc, rồi điều khiển xe đi tìm chỗ sử dụng thì bị phát hiện, bắt giữ.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N phối hợp với Công an phường Q, thành phố N tiến hành xác minh đối tượng tên H bán ma túy cho Trần Văn T (theo lời khai của T). Kết quả xác minh: Tại khu vực đường H, thành phố N không có người phụ nữ nào tên H có đặc điểm như T khai nên tách ra xử lý sau.

Bản cáo trạng số 275/CT-VKSND-TPND ngày 16-10-2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Trần Văn T tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân như bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
- Về hình phạt chính: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 33 tháng tù đến 36 tháng tù.
- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Văn T.
- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ của bị cáo Trần Văn T.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 18B2-257.43 là tài sản của chị Bùi Thị H (vợ Trần Văn T). Chị Bùi Thị H không biết Trần Văn T sử dụng xe máy đi mua ma túy. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại xe cho chị H là đúng quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn T nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:*

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn T trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 08-8-2023; Biên bản thu giữ vật chứng ngày 08-8-2023; Bản kết luận giám định số 1247/KL-KTHS ngày 11-8-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; lời khai của những người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08-8-2023, tại khu vực đầu ngõ 84 đường H, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định, Trần Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,362 gam Heroine mục đích để sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; khối lượng Heroine bị cáo tàng trữ mục đích để sử dụng là 0,362 gam Heroine. Vì vậy bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] *Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bố, mẹ bị cáo có công với cách mạng nên bị cáo sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, lần phạm tội này là tái phạm. Do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] *Về hình phạt:*

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự trên địa bàn thành phố N; bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, nhân thân xấu nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung đã truy tố với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung:*

Xét thấy bị cáo Trần Văn T không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử sẽ không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo Trần Văn T: Hiện tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ kết luận nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố N tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 18B2-257.43 là tài sản của chị Bùi Thị H (vợ Trần Văn T). Chị Bùi Thị H không biết Trần Văn T sử dụng xe máy đi mua ma túy. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại xe cho chị H là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

Số ma túy thu giữ của bị cáo Trần Văn T là vật cấm lưu hành nên sẽ tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí:

Bị cáo Trần Văn T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 08-8-2023.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy gói ma túy đã thu giữ trong phong bì niêm phong số 1247/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-10-2023).

3. Án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự: Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. N;
- Công an TP. N;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Bang